

Số: ~~198~~ /BC-UBND

Hà Nội, ngày 26 tháng 6 năm 2019

BÁO CÁO
**Về phương án vay lại Dự án Đường sắt đô thị Hà Nội,
tuyến Cát Linh - Hà Đông**

Kính gửi: Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội.

Thực hiện Chương trình kỳ họp HĐND Thành phố giữa năm 2019, UBND Thành phố báo cáo HĐND Thành phố về phương án vay lại Dự án Đường sắt đô thị Hà Nội, tuyến Cát Linh - Hà Đông như sau:

1. Khái quát về Dự án:

Dự án Đường sắt đô thị Hà Nội, tuyến Cát Linh – Hà Đông được phê duyệt đầu tư tại Quyết định số 3136/QĐ-BGTVT ngày 15/10/2008, phê duyệt điều chỉnh tại Quyết định số 513/QĐ-BGTVT ngày 23/02/2016 của Bộ Giao thông vận tải (Bộ GTVT). Dự án có tổng mức đầu tư là 18.001.597 triệu đồng (tương đương 868,04 triệu USD), trong đó phần vốn vay Trung Quốc là 13.867.198 triệu đồng (tương đương 669,62 triệu USD); phần vốn đối ứng Việt Nam là 4.134.399 triệu đồng (tương đương 198,42 triệu USD).

Cơ chế tài chính trong nước được Thủ tướng Chính phủ (TTgCP) phê duyệt tại Văn bản số 968/VPCP-KKTH ngày 10/02/2010 và Văn bản số 2691/TTg-KTHH ngày 31/12/2014, theo đó:

- Phần chi phí xây dựng kết cấu hạ tầng của dự án với giá trị 577,1 triệu USD áp dụng cơ chế ngân sách nhà nước cấp phát vốn vay nước ngoài.

- Phần chi phí liên quan trực tiếp đến việc khai thác, vận hành kinh doanh vận tải áp dụng với giá trị 92,52 triệu USD cơ chế cho vay lại vốn vay nước ngoài (bao gồm: Hệ thống kiểm soát vé tự động; Hệ thống thiết bị công nghệ bảo dưỡng đoàn tàu; Mua sắm đầu máy - Toa xe; Đào tạo và chuyển giao công nghệ).

Ngày 11/11/2016, Bộ GTVT có Quyết định số 3542/QĐ-BGTVT phê duyệt dự toán hạng mục thiết bị và giá trị thiết bị ký kết Phụ lục hợp đồng số 11 của Hợp đồng EPC Dự án Đường sắt đô thị Hà Nội, tuyến Cát Linh- Hà Đông, theo đó phần chi phí liên quan trực tiếp tới việc khai thác, vận hành kinh doanh vận tải được điều chỉnh tăng từ 92,52 triệu USD lên 98,35 triệu USD.

Thủ tướng Chính phủ đã đồng ý giao Bộ GTVT ủy quyền cho Ban QLDA Đường sắt ký kết Thỏa thuận cho vay lại phần vốn vay nước ngoài để thực hiện giải ngân các hạng mục liên quan tới việc khai thác, vận hành kinh doanh vận tải. Trong giai đoạn xây dựng, Bộ GTVT có trách nhiệm bố trí vốn đối ứng để trả nợ nước ngoài, trả nợ gốc và các khoản phí liên quan cho tới khi Dự án hoàn thành bàn giao. UBND thành phố Hà Nội có trách nhiệm tiếp nhận toàn bộ

khoản vay lại của dự án từ Bộ GTVT theo nguyên tắc thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của người vay lại và trả nợ ngân sách sau khi dự án kết thúc giai đoạn xây dựng và bàn giao cho UBND Thành phố.

2. Về việc UBND thành phố Hà Nội vay lại Dự án Đường sắt đô thị Hà Nội, tuyến Cát Linh – Hà Đông

Thực hiện chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Công văn số 2691/TTg-KTTH ngày 31/12/2014 về cơ chế thực hiện cho vay lại đối với Dự án Đường sắt đô thị Hà Nội, tuyến Cát Linh – Hà Đông, trong đó: “Giao Bộ Giao thông vận tải chủ trì, phối hợp với UBND thành phố Hà Nội xây dựng phương án, đề xuất thời gian chuyển giao - tiếp nhận trách nhiệm chủ đầu tư cho UBND thành phố Hà Nội, theo nguyên tắc: Công ty được bàn giao có trách nhiệm tiếp nhận toàn bộ khoản vay lại của Dự án đường sắt đô thị Hà Nội, tuyến Cát Linh – Hà Đông từ Ban quản lý dự án đường sắt, đảm bảo thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của người vay lại theo quy định hiện hành sau khi dự án kết thúc giai đoạn xây dựng”; Bộ Giao thông vận tải và UBND Thành phố đã phối hợp xây dựng phương án chuyển giao trách nhiệm cơ quan chủ quản và khoản vay lại của Dự án, báo cáo Thủ tướng Chính phủ tại Công văn số 3289/BGTVT-QCLXD ngày 28/3/2016, theo đó: Công ty TNHH MTV Đường sắt Hà Nội (thành lập tháng 12/2014) thuộc UBND Thành phố sẽ tiếp nhận khoản vay và bố trí vốn trả nợ vay lại từ năm 2018.

Tiếp theo đó, Bộ Tài chính đã có các Công văn số 8223/BTC-QLN ngày 21/6/2017 và 9167/BTC-QLN ngày 10/7/2017 gửi UBND thành phố Hà Nội; UBND Thành phố có Công văn số 4405/UBND-KH&ĐT ngày 08/9/2017 về cơ chế cho vay lại đối với Dự án đường sắt đô thị Hà Nội, tuyến Cát Linh - Hà Đông gửi Bộ Tài chính, trong đó UBND Thành phố đề nghị: Dự án đường sắt đô thị Cát Linh - Hà Đông là dự án thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách Trung ương do Bộ Giao thông vận tải làm Chủ đầu tư, nên đề nghị Bộ Tài chính tham mưu bố trí ngân sách Trung ương cho Dự án.

Tại buổi làm việc ngày 05/10/2017 giữa UBND Thành phố và Bộ Tài chính đã thống nhất Bộ Tài chính sẽ báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét quyết định về chủ thể nhận nợ vay lại trực tiếp đối với phần vốn vay lại của Dự án đường sắt đô thị Hà Nội tuyến Cát Linh - Hà Đông khi Dự án được bàn giao từ Bộ Giao thông vận tải về thành phố Hà Nội quản lý vận hành. Trong đó, thành phố Hà Nội đề nghị bảo lưu nội dung Thành phố đã đề xuất tại Công văn số 4405/UBND-KH&ĐT ngày 08/9/2017 (Dự án đường sắt đô thị Cát Linh - Hà Đông là dự án thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách Trung ương do Bộ Giao thông vận tải làm Chủ đầu tư và cơ bản đã thực hiện hoàn thành, nên đề nghị Bộ Tài chính tham mưu bố trí ngân sách Trung ương cho Dự án). Trường hợp Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo giao UBND thành phố Hà Nội là chủ thể nhận nợ vay lại trực tiếp đối với phần vốn vay lại của Dự án sau khi nhận chuyển giao; đề nghị khoản vay lại được tính vào dư nợ của Thành phố nhưng không tính vào bội chi ngân sách địa phương, Thành phố bố trí ngân sách địa phương để trả nợ.

Trên cơ sở đó, Bộ Tài chính đã có Công văn số 14907/BTC-QLN ngày 03/11/2017 báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét giao thành phố Hà Nội nhận nợ vay lại trực tiếp đối với phần vốn vay lại của Dự án đường sắt đô thị Hà Nội,

tuyến Cát Linh - Hà Đông khi Dự án được bàn giao từ Bộ Giao thông vận tải. Hình thức cho vay lại: ngân sách địa phương vay lại và chịu trách nhiệm trả nợ ngân sách Trung ương. Thành phố Hà Nội phối hợp, trao đổi với Bộ Tài chính để thực hiện ký kết Hợp đồng cho vay lại theo quy định. Khoản vay lại được tính vào dư nợ của Thành phố Hà Nội và cho phép không tính vào bội chi ngân sách địa phương. UBND thành phố Hà Nội có trách nhiệm bố trí dự toán chi ngân sách địa phương để trả nợ đầy đủ và đúng hạn.

Tại Công văn số 12614/VPCP-QHQT ngày 25/11/2017 của Văn phòng Chính phủ về việc nhận nợ vay lại của dự án Đường sắt đô thị Hà Nội, tuyến Cát Linh – Hà Đông, Phó Thủ tướng Chính phủ Phạm Bình Minh đã có ý kiến chỉ đạo: Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội có trách nhiệm:

a) Nhận nợ vay lại trực tiếp đối với phần vốn vay lại của Dự án khi Dự án được bàn giao từ Bộ Giao thông vận tải, trong đó: Ngân sách địa phương vay lại và chịu trách nhiệm trả nợ ngân sách Trung ương; điều kiện cho vay lại thực hiện theo quy định của Nghị định số 78/2010/NĐ-CP ngày 14/7/2010 của Chính phủ (lãi suất cho UBND cấp tỉnh vay lại bằng lãi suất vay nước ngoài và không áp dụng phí cho vay lại); thời điểm tiếp nhận khoản vay là khi Dự án hoàn thành giai đoạn xây dựng và được chuyển giao từ Bộ Giao thông vận tải.

b) Phối hợp với Bộ Tài chính để thực hiện ký kết Hợp đồng cho vay lại theo quy định.

c) Hoàn trả ngân sách nhà nước số vốn đã được Bộ Giao thông vận tải ứng ra để trả khoản vay lại.

Căn cứ ý kiến chỉ đạo của Phó thủ tướng Chính phủ Phạm Bình Minh và tiếp thu ý kiến của UBND thành phố Hà Nội, Bộ Tài chính đã hoàn chỉnh Thỏa thuận cho vay lại gửi UBND thành phố Hà Nội xem xét, ký kết.

3. Về nội dung vay lại Dự án Đường sắt đô thị Hà Nội, tuyến Cát Linh – Hà Đông:

3.1. Giá trị và các điều kiện vay lại

- Trên cơ sở nội dung dự thảo Thỏa thuận cho vay lại đối với Dự án kèm theo văn bản số 2720/BTC-QLN ngày 11/3/2019 của Bộ Tài chính gửi UBND thành phố Hà Nội đề nghị ký Thỏa thuận cho vay lại Dự án Đường sắt đô thị Hà Nội, tuyến Cát Linh – Hà Đông và thông tin từ Cục Quản lý nợ và Tài chính đối ngoại – Bộ Tài chính: giá trị vay lại được xác định dự kiến khoảng 98,35 triệu USD¹, tương đương khoảng 2.306 tỷ đồng (theo tỷ giá tại thời điểm báo cáo là 1 USD = 23.450 VNĐ); trong đó bao gồm 03 khoản vay: (i) 41,331 triệu USD; (ii) 9,925 triệu USD và (iii) 47,092 triệu USD.

- Lãi suất cho vay lại: 4%/năm tính trên số dư nợ vay lại. Các loại phí khác theo Thỏa thuận vay nước ngoài (bao gồm phí cam kết, phí trả nợ trước hạn và các chi phí khác phát sinh tính trên toàn bộ số vốn vay ODA, vay ưu đãi

¹ Số tiền thực tế Thành phố phải nhận nợ của Dự án sẽ được Bộ Tài chính xác định chính thức sau khi Dự án hoàn thành, bàn giao, kết thúc giải ngân thanh toán.

được tiếp nhận v.v...); Lãi phạt chậm trả: Trường hợp không trả nợ đúng hạn bất kỳ khoản nợ nào bao gồm gốc, lãi, phí và các chi phí liên quan khác, Bên vay lại phải trả lãi phạt chậm trả bằng 150% lãi suất cho vay lại, áp dụng cho số ngày quá hạn. Lãi và lãi phạt chậm trả được tính trên cơ sở số ngày thực tế áp dụng với một năm có 360 ngày.

- Thời hạn cho vay lại: Từ khi Hợp đồng cho vay lại có hiệu lực đến ngày trả nợ gốc cuối cùng (21/7/2025) theo quy định tại Thỏa thuận vay nước ngoài (Riêng khoản vay 47,092 triệu USD, ngày trả nợ gốc cuối cùng là ngày 21/9/2032).

- Ngày trả nợ: Nợ gốc và nợ lãi được trả theo các bán niên (6 tháng 1 lần) vào ngày 21/01 và 21/07 hàng năm đối với khoản vay 41,33 triệu USD và ngày 21/3 và ngày 21/9 hàng năm đối với khoản vay 9,925 triệu USD và 47,092 triệu USD. Ngày trả nợ gốc và lãi đầu tiên tùy theo ngày nào đến sớm hơn kể từ ngày Bộ Giao thông vận tải và UBND thành phố Hà Nội thống nhất chuyển giao khoản vay từ Bộ Giao thông vận tải sang UBND thành phố Hà Nội và sau khi Phụ lục Hợp đồng tính lãi vay, phân kỳ trả nợ gốc, lãi hàng năm được ký kết giữa Bộ Tài chính và UBND thành phố Hà Nội. Đối với số nợ gốc và lãi đã được Bộ GTVT ứng ra trả trước thời điểm bàn giao Dự án, thành phố Hà Nội có trách nhiệm hoàn trả cho Bộ GTVT.

(chi tiết theo Biểu đính kèm)

- Thời điểm nhận nợ: Bên vay lại nhận nợ khoản vay lại từ khi Dự án hoàn thành giai đoạn xây dựng và được chuyển giao chính thức từ Bộ Giao thông vận tải. Thời điểm chuyển giao chính thức được xác định là thời điểm hai bên ký kết biên bản bàn giao Dự án.

3.2. Các chỉ tiêu về hạn mức vay nợ hiện nay của thành phố Hà Nội:

- Theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước năm 2015, mức giới hạn vay của ngân sách địa phương được tính trên số thu ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp, đồng thời theo quy định tại Nghị định số 63/2017/NĐ-CP ngày 19/5/2017 của Chính phủ quy định một số cơ chế, chính sách tài chính ngân sách đặc thù đối với Thủ đô Hà Nội, mức dư nợ vay (bao gồm vay trong nước từ phát hành trái phiếu chính quyền địa phương, vay lại từ nguồn Chính phủ vay về cho vay lại và các khoản vay trong nước khác theo quy định của pháp luật) của ngân sách Thành phố không vượt quá 70% số thu ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp; theo đó mức dư nợ huy động tối đa của thành phố Hà Nội tính đến hết năm 2019 là khoảng 70.379 tỷ đồng.

- Về dư nợ của thành phố Hà Nội: Trên cơ sở rà soát tiến độ triển khai hình triển khai các dự án ODA và tình hình vay nợ của Thành phố, dư nợ dự kiến đến 2020 của Thành phố là 11.737 tỷ đồng.

- Theo chỉ đạo của Phó Thủ tướng Chính phủ tại văn bản 12614/VPCP-QHQT ngày 25/11/2017 của Văn phòng Chính phủ về việc ký kết Thỏa thuận cho vay lại Dự án Đường sắt đô thị Hà Nội, tuyến Cát Linh - Hà Đông: "*khoản vay lại được tính trong mức dư nợ vay hàng năm của thành phố Hà Nội và không tính vào bội chi Ngân sách địa phương*".

- Căn cứ vào các số liệu dư nợ hiện nay và dự kiến đến 2020, việc vay lại Dự án đường sắt đô thị Hà Nội, tuyến Cát Linh - Hà Đông với giá trị khoảng 2.306 tỷ đồng không làm vượt hạn mức vay nợ của Thành phố.

- Về nguồn chi trả nợ hàng năm: UBND Thành phố bố trí nguồn chi trả nợ gốc, lãi, phí và chi phí liên quan trong dự toán ngân sách hàng năm của Thành phố, đảm bảo thanh toán nợ vay đầy đủ, đúng hạn.

UBND Thành phố kính đề nghị HĐND Thành phố xem xét, thông qua phương án vay lại Dự án Đường sắt đô thị Hà Nội, tuyến Cát Linh – Hà Đông và kết hợp thông qua nội dung này cùng với Nghị quyết về nhiệm vụ trọng tâm phát triển kinh tế - xã hội, thu chi ngân sách 6 tháng cuối năm./

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chủ tịch UBND Thành phố;
- Các Phó Chủ tịch UBND Thành phố;
- Ban KTNS - HĐND Thành phố;
- Các Sở: KH&ĐT, Tài chính;
- VPUBTP: CVP, PVP T.V.Đũng, P.V.Chiến, các phòng KT, ĐT, TKBT;
- Lưu: VT, KT(Công).

112

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Nguyễn Đức Chung

DỰ KIẾN KẾ HOẠCH TRẢ NỢ DỰ ÁN ĐƯỜNG SẮT ĐÔ THỊ HÀ NỘI, TUYẾN CÁT LINH HÀ ĐÔNG

(Kèm theo Báo cáo số **198** /BC-UBND ngày **26/6** /2019 của UBND (thành phố Hà Nội))

Đơn vị: USD

STT	Kỳ thanh toán	Tổng số		Khoản vay 41,33 triệu USD		Khoản vay 9,925 triệu USD		Khoản vay 47,092 triệu USD	
		Trả nợ gốc	Trả nợ lãi	Trả nợ gốc	Trả nợ lãi	Trả nợ gốc	Trả nợ lãi	Trả nợ gốc	Trả nợ lãi
1	Năm 2011		285.627,24				285.627,24		
	Kỳ 21/3		82.710,59				82.710,59		
	Kỳ 21/9		202.916,65				202.916,65		
2	Năm 2012		403.627,69				403.627,69		
	Kỳ 21/3		200.711,04				200.711,04		
	Kỳ 21/9		202.916,65				202.916,65		
3	Năm 2013		402.524,88				402.524,88		
	Kỳ 21/3		199.608,23				199.608,23		
	Kỳ 21/9		202.916,65				202.916,65		
4	Năm 2014		402.524,88				402.524,88		
	Kỳ 21/3		199.608,23				199.608,23		
	Kỳ 21/9		202.916,65				202.916,65		
5	Năm 2015	496.263,55	402.524,88			496.263,55	402.524,88		
	Kỳ 21/3		199.608,23				199.608,23		
	Kỳ 21/9	496.263,55	202.916,65			496.263,55	202.916,65		
6	Năm 2016	3.107.182,60	842.988,95	2.114.655,50	469.688,48	992.527,10	373.300,47		
	Kỳ 21/1	1.057.327,75	63.439,67	1.057.327,75	63.439,67				
	Kỳ 21/3	496.263,55	190.675,48			496.263,55	190.675,48		
	Kỳ 21/7	1.057.327,75	406.248,82	1.057.327,75	406.248,82				
	Kỳ 21/9	496.263,55	182.624,99			496.263,55	182.624,99		
7	Năm 2017	3.658.025,89	1.120.980,02	2.665.498,79	788.979,71	992.527,10	332.000,31		
	Kỳ 21/1	1.057.327,75	389.096,61	1.057.327,75	389.096,61				
	Kỳ 21/3	496.263,55	169.666,99			496.263,55	169.666,99		
	Kỳ 21/7	1.608.171,04	399.883,09	1.608.171,04	399.883,09				
	Kỳ 21/9	496.263,55	162.333,32			496.263,55	162.333,32		
8	Năm 2018	5.561.488,19	2.770.009,83	4.568.961,09	1.259.079,51	992.527,10	291.747,83		1.219.182,49
	Kỳ 21/1	2.284.480,54	569.927,87	2.284.480,54	569.927,87				
	Kỳ 21/3	496.263,55	406.100,77			496.263,55	149.706,17		256.394,60
	Kỳ 21/7	2.284.480,54	689.151,63	2.284.480,54	689.151,63				
	Kỳ 21/9	496.263,55	1.104.829,55			496.263,55	142.041,66		962.787,89
9	Năm 2019	5.561.488,19	3.412.507,34	4.568.961,09	1.251.133,84	992.527,10	251.495,34		1.909.878,15
	Kỳ 21/1	2.284.480,54	653.869,10	2.284.480,54	653.869,10				
	Kỳ 21/3	496.263,55	1.076.835,61			496.263,55	129.745,35		947.090,26
	Kỳ 21/7	2.284.480,54	597.264,75	2.284.480,54	597.264,75				
	Kỳ 21/9	496.263,55	1.084.537,88			496.263,55	121.749,99		962.787,89
10	Năm 2020	5.561.488,19	3.195.589,33	4.568.961,09	1.068.629,23	992.527,10	211.849,40		1.915.110,70
	Kỳ 21/1	2.284.480,54	560.459,23	2.284.480,54	560.459,23				
	Kỳ 21/3	496.263,55	1.062.713,88			496.263,55	110.391,07		952.322,81
	Kỳ 21/7	2.284.480,54	508.170,01	2.284.480,54	508.170,01				
	Kỳ 21/9	496.263,55	1.064.246,22			496.263,55	101.458,33		962.787,89
11	Năm 2021	5.561.488,19	2.961.408,85	4.568.961,09	880.540,33	992.527,10	170.990,36		1.909.878,15
	Kỳ 21/1	2.284.480,54	467.049,36	2.284.480,54	467.049,36				
	Kỳ 21/3	496.263,55	1.036.913,97			496.263,55	89.823,70		947.090,26
	Kỳ 21/7	2.284.480,54	413.490,98	2.284.480,54	413.490,98				
	Kỳ 21/9	496.263,55	1.043.954,55			496.263,55	81.166,66		962.787,89
12	Năm 2022	5.561.488,19	2.735.859,61	4.568.961,09	695.243,58	992.527,10	130.737,88		1.909.878,15
	Kỳ 21/1	2.284.480,54	373.639,48	2.284.480,54	373.639,48				
	Kỳ 21/3	496.263,55	1.016.953,14			496.263,55	69.862,88		947.090,26
	Kỳ 21/7	2.284.480,54	321.604,09	2.284.480,54	321.604,09				
	Kỳ 21/9	496.263,55	1.023.662,89			496.263,55	60.875,00		962.787,89
13	Năm 2023	10.270.776,79	2.462.170,97	4.568.961,09	509.946,82	992.527,10	90.485,39	4.709.288,60	1.861.738,76
	Kỳ 21/1	2.284.480,54	280.229,61	2.284.480,54	280.229,61				
	Kỳ 21/3	2.850.907,85	996.992,32			496.263,55	49.902,06	2.354.644,30	947.090,26
	Kỳ 21/7	2.284.480,54	229.717,21	2.284.480,54	229.717,21				
	Kỳ 21/9	2.850.907,85	955.231,83			496.263,55	40.583,33	2.354.644,30	914.648,50
14	Năm 2024	10.270.776,79	2.051.270,12	4.568.961,09	325.411,56	992.527,10	50.398,32	4.709.288,60	1.675.460,23
	Kỳ 21/1	2.284.480,54	186.819,74	2.284.480,54	186.819,74				
	Kỳ 21/3	2.850.907,85	887.197,18			496.263,55	30.106,66	2.354.644,30	857.090,53
	Kỳ 21/7	2.284.480,54	138.591,82	2.284.480,54	138.591,82				
	Kỳ 21/9	2.850.907,85	838.661,37			496.263,55	20.291,67	2.354.644,30	818.369,71
15	Năm 2025	9.774.513,24	1.639.077,26	4.568.961,09	139.353,31	496.263,55	19.960,82	4.709.288,60	1.479.763,13
	Kỳ 21/1	2.284.480,54	93.409,87	2.284.480,54	93.409,87				
	Kỳ 21/3	2.850.907,85	777.633,03			496.263,55	19.960,82	2.354.644,30	757.672,21
	Kỳ 21/7	2.284.480,54	45.943,44	2.284.480,54	45.943,44				
	Kỳ 21/9	2.354.644,30	722.090,92					2.354.644,30	722.090,92
16	Năm 2026	4.709.288,60	1.288.775,31					4.709.288,60	1.288.775,31
	Kỳ 21/3	2.354.644,30	662.963,18					2.354.644,30	662.963,18
	Kỳ 21/9	2.354.644,30	625.812,13					2.354.644,30	625.812,13
17	Năm 2027	4.709.288,60	1.097.787,50					4.709.288,60	1.097.787,50
	Kỳ 21/3	2.354.644,30	568.254,16					2.354.644,30	568.254,16

STT	Kỳ thanh toán	Tổng số		Khoản vay 41,33 triệu USD		Khoản vay 9,925 triệu USD		Khoản vay 47,092 triệu USD	
		Trả nợ gốc	Trả nợ lãi	Trả nợ gốc	Trả nợ lãi	Trả nợ gốc	Trả nợ lãi	Trả nợ gốc	Trả nợ lãi
	Kỳ 21/9	2.354.644,30	529.533,34					2.354.644,30	529.533,34
	Năm 2028	4.709.288,60	909.415,95					4.709.288,60	909.415,95
18	Kỳ 21/3	2.354.644,30	476.161,40					2.354.644,30	476.161,40
	Kỳ 21/9	2.354.644,30	433.254,55					2.354.644,30	433.254,55
	Năm 2029	4.709.288,60	715.811,87					4.709.288,60	715.811,87
19	Kỳ 21/3	2.354.644,30	378.836,11					2.354.644,30	378.836,11
	Kỳ 21/9	2.354.644,30	336.975,76					2.354.644,30	336.975,76
	Năm 2030	4.709.288,60	524.824,05					4.709.288,60	524.824,05
20	Kỳ 21/3	2.354.644,30	284.127,08					2.354.644,30	284.127,08
	Kỳ 21/9	2.354.644,30	240.696,97					2.354.644,30	240.696,97
	Năm 2031	4.709.288,60	333.836,24					4.709.288,60	333.836,24
21	Kỳ 21/3	2.354.644,30	189.418,05					2.354.644,30	189.418,05
	Kỳ 21/9	2.354.644,30	144.418,18					2.354.644,30	144.418,18
	Năm 2032	4.709.288,60	143.371,68					4.709.288,60	143.371,68
22	Kỳ 21/3	2.354.644,30	95.232,28					2.354.644,30	95.232,28
	Kỳ 21/9	2.354.644,30	48.139,39					2.354.644,30	48.139,39
	Tổng số	98.350.000,00	30.102.514,44	41.331.843,00	7.388.006,38	9.925.271,00	3.819.795,68	47.092.886,00	18.894.712,37